

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2024/DS-PT

Ngày: 25-9-2024

*V/v: Tranh chấp chia tài sản chung,
cho thuê tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Hải Anh

Bà Phạm Mai Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp chia tài sản chung, cho thuê tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2024/QĐXX-PT ngày 26 - 8- 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số:17/2024/ QĐ-PT ngày: 11 - 9-2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thiệu Minh H

Địa chỉ: Thôn Trung, xã Tuần C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Bị đơn: Ông Thiệu Đức V và bà Đặng Thị B

Địa chỉ: Tổ 3 thị trấn Y- huyện L- tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần N thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Hà - Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L

Địa chỉ: Thôn T, xã Tuần C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt có văn bản ủy quyền cho ông Thiệu Minh H.

2. Anh Hoàng Đình D và chị Nguyễn Thị Thu H; trú tại: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Anh Mai Hồng D; trú tại: Tổ 12, phường C, quận N, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. UBND xã T- huyện L- tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Sơn Trường- Chủ tịch UBND xã đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đức T

Địa chỉ: Thôn Làng G- xã Y- huyện L- tỉnh Yên Bái, đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T

Địa chỉ: Thôn V- xã V- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang, chị T đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bốn có mặt;

3. Anh Đỗ Chí T

Địa chỉ: Tổ 12 thị trấn Y- huyện L- tỉnh Yên Bái, vắng mặt;

4. Ông Hoàng Nhật V

Địa chỉ: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Yên Bái, có mặt;

5. Ông Đặng Văn L

Địa chỉ: Thôn Ngòi Vạc- xã Minh Xuân- huyện L- tỉnh Yên Bái, có mặt;

6. Ông Hoàng Xuân Đ

Địa chỉ: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Yên Bái, vắng mặt;

7. Anh Nguyễn Đức H

Địa chỉ: Thôn T- xã T- huyện L- tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

Người kháng cáo là bị đơn ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là ông Thiệu Minh H trình bày: Năm 2018 ông và vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B có thoả thuận cùng nhau góp tiền mua thửa đất rừng thuộc quyền sử dụng của anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T ở xã V, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có diện tích 47.200 m², cụ thể thửa đất số 115, tờ bản đồ số F48-66-C-B2 tại thôn 4 xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái để cùng nhau trồng cam. Giá trị chuyển nhượng là 500.000.000 đ gồm cả đất và tài sản trên đất. Ông và vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B mỗi bên góp 250.000.000 đồng, số tiền này ông đưa cho vợ chồng ông Vương, bà Bảy hai lần, cụ thể như sau:

Ngày 10-5-2018 tại nhà ông Thiệu Đức V, ông đưa cho vợ chồng ông Vương, bà Bảy số tiền 100.000.000 đ để góp tiền đặt cọc, khi đưa tiền có mặt sáu người gồm ông, vợ chồng anh Bốn, chị T, vợ chồng ông Vương, bà Bảy và ông Nguyễn Đức T.

Ngày hôm đó đặt cọc số tiền 400.000.000đ, các bên thoả thuận khi nào có giấy tờ thì trả nốt tiền. Ông và vợ chồng ông Vương, bà Bảy thoả thuận cùng góp tiền mua đất nhưng để ông Vương, bà Bảy đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng cho thuận tiện, khi đăng ký quyền sử dụng đất sẽ mang tên ông Vương và ông là người đồng sử dụng. Việc chuyển nhượng đất được lập giấy chuyển nhượng đất vườn đồi ngày 10-5-2018 tại nhà ông Thiều Đức V do ông Nguyễn Đức T viết, ông có ký tên là người làm chứng. Khoảng một tháng sau ông trực tiếp đưa nốt 150.000.000đ cho vợ chồng ông Vương, bà Bảy tại nhà ông Vương, khi đó cũng có mặt cả sáu người là ông, vợ chồng anh Bốn, chị T, vợ chồng ông Vương, bà Bảy và ông Nguyễn Đức T. Ông Vương nhận tiền của ông và đưa cho vợ chồng anh Bốn, chị T tại bàn uống nước. Sau khi kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thấy có tên ông đồng sở hữu trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã thoả thuận ban đầu, ông có hỏi thì ông Vương nói là sẽ viết giấy hai người chung vườn cam để đi công chứng là xong nhưng sau đó ông Vương khất lần không viết giấy dẫn đến hai bên cãi nhau.

Tài sản ông và vợ chồng ông Thiều Đức V nhận chuyển nhượng chung từ vợ chồng anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T gồm thửa đất diện tích 47.200 m², trên thửa đất có khoảng 2.000 gốc cam mới trồng, 01 căn nhà xây ba gian cấp bốn, công trình phụ, 01 kho để máy móc, bể nước. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông và ông Vương thuê luôn người đã từng làm ở đó trông nom, chăm sóc (Họ tên đầy đủ, địa chỉ cụ thể của người này ông không biết). Năm 2020 ông và ông Thiều Đức V thu hoạch vụ cam đầu tiên bán chia nhau mỗi người được hơn 40.000.000 đồng. Sau khi xảy ra khúc mắc ông và ông Vương thống nhất chia vườn cam mỗi người một phần, khi chia hai bên cùng nhau phân định ranh giới, chôn cọc bê tông, từ đó phần diện tích đất của ai thì người đó tự canh tác, thu hoạch. Thu hoạch được vụ cam năm 2021 thì đến đầu năm 2022 ông Vương đến đuổi không cho ông sử dụng khu đất đó dẫn đến xảy ra tranh chấp.

Ông khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Thiều Đức V, bà Đặng Thị B phải chia đôi tài sản chung trên gồm ½ giá trị diện tích đất đã nhận chuyển nhượng và giá trị tài sản trên đất đến thời điểm năm 2024.

Trong các lời khai và tại phiên hòa giải bị đơn là ông Thiều Đức V trình bày: Khoảng tháng 5 hoặc tháng 6 năm 2018 vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T một thửa đất vườn đồi tại thôn 4 xã T-huyện L có diện tích 47.200 m², trị giá thửa đất là 500.000.000 đồng, vợ chồng ông trả trước 400.000.000 đồng, vợ chồng anh Bốn, chị T trực tiếp nhận tiền. Việc chuyển nhượng có làm giấy tờ, có ông Thiều Minh H là người làm chứng. Khoảng 1 đến 2 tháng sau khi anh Bốn, chị T làm xong giấy tờ ông trả nốt 100.000.000 đồng. Việc trả tiền có ai làm chứng hay không thì ông không nhớ. Toàn bộ số tiền trả cho vợ chồng

anh Bốn, chị T là của vợ chồng ông. Khi nhận chuyển nhượng trên thửa đất có khoảng 1.600 đến 1.700 cây cam mới trồng được khoảng một năm tuổi, 01 căn nhà xây cấp 4 ba gian và công trình phụ. Ranh giới thửa đất nhận chuyển nhượng giáp những ai ông không rõ. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên ông đã thuê người xây thêm căn bếp, tiếp tục chăm sóc số cây cam đã trồng trước đó, thuê anh Cừ người Mông nghe nói ở Hà Giang trông nom vườn cam, thuê anh Đặng Văn L ở thôn 21 xã Minh Xuân- huyện L làm quản gia tại khu vực đó. Khoảng 2 tháng sau khi nhận chuyển nhượng ông có cho ông Thiệu Minh H người ở huyện V thuê $\frac{1}{2}$ thửa đất và khoảng 800 cây cam trên đất cùng nhà và công trình phụ trên thửa đất. Việc cho ông Hải thuê tài sản trên chỉ nói bằng miệng, không có văn bản giấy tờ, không có ai làm chứng. Cụ thể ông cho ông Thiệu Minh H thuê diện tích đất và tài sản trên đất với giá 5.000.000 đồng/1 tháng (60.000.000 đồng/1 năm); thời hạn thuê đến khi hai bên không có nhu cầu thuê nữa. Sau khi cho ông Hải thuê, ông tiếp tục chăm sóc số cam trên $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại và trồng thêm cây. Khoảng năm 2020 hoặc năm 2021 (Thời điểm cụ thể ông không nhớ) ông tiếp tục cho ông Thiệu Minh H thuê $\frac{1}{2}$ phần đất ông đang sử dụng, trên phần đất này có khoảng 350 cây cam khoảng 3 đến 4 năm tuổi với giá cho thuê là 500.000 đồng/1 cây; thời hạn thuê đến khi hai bên không có nhu cầu thuê nữa thì thôi. Việc cho ông Hải thuê tài sản lần hai này cũng chỉ nói bằng miệng, không có văn bản giấy tờ, không có ai làm chứng. Khi thuê ông Hải có nói sau 2-3 ngày sẽ trả tiền cả đợt thuê trước và đợt thuê sau. Tuy nhiên ông đã nhiều lần đòi nhưng ông Hải không trả tiền mà còn cho rằng thửa đất và cam là của ông ấy. Nay ông Thiệu Minh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải chia $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất và tài sản trên thửa đất đã nhận chuyển nhượng từ vợ chồng anh Bốn, chị T ông không nhất trí vì thửa đất nhận chuyển nhượng từ vợ chồng anh Bốn, chị T hoàn toàn bằng chính số tiền của vợ chồng ông, là tài sản của vợ chồng ông, không chung với ai, sau khi nhận chuyển nhượng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông. Mặt khác ông có yêu cầu phản tố đối với vợ chồng ông Thiệu Minh H và bà Nguyễn Thị L các nội dung cụ thể sau:

1. Buộc vợ chồng ông Thiệu Minh H, bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông số tiền thuê đất vườn cam và thuê cây cam là 415.000.000 đồng.

2. Buộc vợ chồng ông Thiệu Minh H, bà Nguyễn Thị L phải bồi thường cho ông những thiệt hại trong quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Thiệu Minh H, gồm:

- Số tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố là 10.300.000 đồng;
- Số tiền chi phí thẩm định là 7.000.000 đồng;
- Số tiền chi phí cho Luật sư là 90.000.000 đồng.

3. Buộc vợ chồng ông Thiều Minh H, bà Nguyễn Thị L phải bồi thường số tiền án phí sơ thẩm theo Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 16-3-2023 của Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Yên Bái là 36.989.000 đồng theo quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Yên Bái hoàn toàn do lỗi của ông Thiều Minh H đã kiện sai quan hệ pháp luật tranh chấp;

4. Buộc vợ chồng ông Thiều Minh H, bà Nguyễn Thị L phải bồi thường toàn bộ chi phí tố tụng phải bỏ ra trong quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Đình D trình bày: Vào khoảng tháng 3-2022 vợ chồng anh có nhận chuyển nhượng của ông Thiều Đức V, bà Đặng Thị B 01 thửa đất trồng cam diện tích 47.200 m² tại thôn 4, xã T, huyện L, thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Thiều Đức V, bà Đặng Thị B, trên thửa đất có khoảng 2.000 cây cam và 1 số cây trồng khác, 01 nhà xây cấp 4; trị giá chuyển nhượng là 800.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tờ và công chứng theo quy định. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất, vợ chồng anh đầu tư phân bón chăm sóc cho cây và trồng thêm cây mới. Làm được khoảng 1 năm do ông Vương không làm được thủ tục sang tên thửa đất cho vợ chồng anh nên vợ chồng anh thống nhất không tiếp tục sử dụng thửa đất này nữa và quyết định trả lại thửa đất, ông Vương, bà Bầy trả lại tiền cho vợ chồng anh, sau đó ông Vương, bà Bầy làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho anh Mai Hồng D quản lý, sử dụng. Vợ chồng anh chỉ biết nhận chuyển nhượng thửa đất từ ông Vương, bà Bầy vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vương, bà Bầy, trước đó quan hệ giữa ông Thiều Minh H và vợ chồng ông Vương trong việc làm ăn, canh tác thửa đất này như thế nào anh không biết. Vợ chồng anh nhận chuyển nhượng thửa đất theo diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh Mai Hồng D trình bày: Ngày 11-5-2023 anh có nhận chuyển nhượng thửa đất trồng cam tại thôn 4 xã T- huyện L từ ông Thiều Đức V có hộ khẩu thường trú tại tổ 3 thị trấn Y- huyện L- tỉnh Yên Bái. Việc chuyển nhượng có làm hợp đồng và được công chứng theo quy định. Tài sản nhận chuyển nhượng gồm: Thửa đất có diện tích 47.200 m²; trên thửa đất có trồng cam và 1 số cây khác như cau, mít; 01 căn nhà cấp 4, nhà vệ sinh, khu bơm nước; giá nhận chuyển nhượng là 1.150.000.000 đồng. Anh nhận chuyển nhượng diện tích thực tế ông Vương đã sử dụng. Sau khi nhận chuyển nhượng anh đã đầu tư rất nhiều để cải tạo đất, chăm bón cho cây, làm đường vào vườn, kéo đường điện, lắp hệ thống camera, lắp trạm bơm mới, mua sắm các trang thiết bị làm vườn, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Trước khi nhận chuyển nhượng của ông Thiều Đức V thì thửa đất này do vợ chồng anh Hoàng Đình D ở xã M sử

dụng. Khi nhận bàn giao thửa đất có anh, ông Vương và anh Duyên. Việc tranh chấp giữa ông Hải và ông Vương như thế nào anh không biết.

Ông Hoàng Sơn Trường, người đại diện theo pháp luật của UBND xã T- huyện L trình bày: Việc tranh chấp giữa ông Thiệu Minh H và ông Thiệu Đức V xảy ra từ lâu, UBND xã đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Toàn bộ khu vực có thửa đất tại thôn 6 (Nay là thôn 4) xã T mới chỉ có hộ ông Triệu Xuân Đoàn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ số F48-66-C-B2, diện tích 47.200 m². Diện tích đất các công dân sử dụng nằm ngoài diện tích 47.200 m² nói trên thuộc phần diện tích đất do UBND xã T quản lý. Toàn bộ cây cối ông Hải, ông Vương đã trồng trên phần đất nằm ngoài diện tích được cấp nói trên do công dân quản lý, sử dụng, UBND xã T không có yêu cầu, đề nghị gì đối với các tài sản trên phần đất này. Tuy nhiên sau này yêu cầu các công dân phải thu hoạch cây cối đã trồng để trả lại diện tích đất thuộc quyền quản lý của UBND xã T.

Ý kiến của những người làm chứng:

Anh Hoàng Văn B và chị Bùi Thị T trình bày: Năm 2017 vợ chồng anh có mua của ông Triệu Xuân Đoàn một thửa đất tại thôn 4 xã T- huyện L để trồng cam, cụ thể thửa đất số 115, tờ bản đồ số F48-66-C-B2, diện tích 47.200 m²; thửa đất do UBND huyện L- tỉnh Yên Bái cấp cho hộ ông Triệu Xuân Đoàn ngày 30-12-2003. Năm 2018 ông Nguyễn Đức T trú tại xã Y- huyện L- tỉnh Yên Bái hỏi anh có ý định bán vườn cam không để ông giới thiệu cho người quen mua. Thông qua ông Trọng giới thiệu, anh có gặp ông Thiệu Minh H và ông Thiệu Đức V, qua gặp gỡ, nói chuyện anh được biết ông Hải và ông Vương có mối quan hệ họ hàng và có ý định mua chung vườn cam để cùng canh tác. Sau khi trực tiếp đến xem vườn cam của anh thì ông Hải và ông Vương quyết định cùng mua chung vườn cam này.

Ngày 10-5-2018 tại nhà ông Vương có mặt vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B, ông Nguyễn Đức T, ông Thiệu Minh H và vợ chồng anh đã cùng nhau thống nhất chuyển nhượng vườn cam cho ông Thiệu Minh H và ông Thiệu Đức V với giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Ông Nguyễn Đức T là người viết giấy chuyển nhượng, khi đó ông Vương và ông Hải có thoả thuận để vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B đứng tên người nhận chuyển nhượng trong giấy chuyển nhượng để thuận tiện trong việc làm thủ tục còn ông Thiệu Minh H chỉ ký tên người làm chứng. Tại đây ông Hải đưa cho ông Vương số tiền 100.000.000 đồng để vợ chồng ông Vương dùng số tiền đó và thêm 300.000.000 đồng giao cho vợ chồng anh. Tại thời điểm đó vợ chồng anh trực tiếp nhận tổng số 400.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng các bên thoả thuận khi nào vợ chồng anh giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Vương và ông Hải sẽ trả nốt.

Đến khoảng tháng 6 năm 2018 tại nhà ông Thiều Đức V, vợ chồng anh đã giao cho vợ chồng ông Vương, bà Bảy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thửa đất đã chuyển nhượng nói trên), khi đó ông Thiều Minh H đã đưa cho vợ chồng ông Thiều Đức V số tiền 150.000.000 đồng; vợ chồng ông Vương, bà Bảy dùng số tiền ông Hải vừa đưa trả cho vợ chồng anh số tiền 100.000.000 đồng như đã thoả thuận. Do trước đó cả ông Hải và ông Vương cùng hỏi mua chung thửa đất, cùng trực tiếp xuống xem vườn cam và có thoả thuận cùng góp tiền mua vườn cam để làm chung nên anh nghĩ tiền ông Hải giao cho vợ chồng ông Vương, bà Bảy là tiền góp mua chung thửa đất của vợ chồng anh. Thời điểm chuyển nhượng cho ông Hải và ông Vương trên thửa đất có khoảng gần 2.000 cây cam trồng được 01 năm tuổi, 01 căn nhà xây cấp 4 có bếp, nhà kho, bể nước.

Ông Nguyễn Đức T trình bày: Trước đây ông có mối quan hệ là thông gia với vợ chồng ông Thiều Đức V trú tại tổ 3 thị trấn Y- huyện L- tỉnh Yên Bái nên có gặp và biết ông Thiều Minh H. Năm 2018 ông Thiều Đức V và ông Thiều Minh H có ý định muốn mua vườn cam để canh tác nên ông đã giới thiệu hai người với vợ chồng anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T trú tại xã V- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang để hai bên gặp gỡ, thoả thuận, giao dịch với nhau việc mua bán, chuyển nhượng vườn cam. Ngày 10-5-2018 tại nhà ông Thiều Đức V chính ông là người viết hộ giấy chuyển nhượng đất vườn đồi để ông Vương và ông Hải mua vườn cam của vợ chồng anh Bốn, chị T có diện tích 47.200 m². Khi đó ông Vương có nói là cùng ông Hải góp tiền mua chung vườn cam nhưng để cho ông Vương đứng tên bên nhận chuyển nhượng để cho dễ làm thủ tục sang tên, sau này cùng làm chung và ông Hải đồng ý. Do đó tại giấy chuyển nhượng đất vườn đồi ngày 10-5-2018 bên ký nhận chuyển nhượng là ông Thiều Đức V còn ông Thiều Minh H ký tên người làm chứng. Tại đây vợ chồng ông Vương, bà Bảy giao cho vợ chồng anh Bốn, chị T là bên chuyển nhượng số tiền 400.000.000đ và thoả thuận khi nào anh Bốn, chị T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ giao nốt số tiền còn lại 100.000.000 đồng. Ông được ông Vương nói cho biết là tiền mua đất là do vợ chồng ông Vương, bà Bảy và ông Thiều Minh H góp tiền mua chung mỗi bên một nửa.

Anh Đỗ Chí T trình bày: Anh có mối quan hệ họ hàng với ông Thiều Đức V. Vợ chồng anh chuyên kinh doanh các mặt hàng như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các thiết bị vật tư phục vụ cho nông nghiệp. Năm 2018 ông Thiều Đức V và ông Thiều Minh H là khách mua hàng thường xuyên của gia đình, anh cũng là người trực tiếp lắp đặt hệ thống đường ống tưới nước, phun thuốc tại vườn cam của ông Hải và ông Vương chung nhau ở thôn 4 xã T- huyện L; anh cũng chính là người tiêu thụ cam cho ông Vương và ông Hải tại vườn cam này. Anh là người trực tiếp chở phân bón đến vườn cam cho ông Vương và ông Hải. Khi mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lắp

đặt hệ thống tưới nước, phun thuốc cho vườn cam thì cả ông Vương và ông Hải cùng trả tiền chung, nợ cũng ký nhận nợ chung. Đến khoảng cuối năm 2020 ông Hải và ông Vương tách vườn cam (Chia mỗi người làm một nửa) từ đó ai mua hàng người đó trả và ký phần nợ của mình. Phần vườn cam của người nào thì người đó thu hoạch và bán riêng. Việc mua bán vườn cam giữa ông Vương và ông Hải có ông Nguyễn Đức T ở Thôn Làng G- xã Y- huyện L, vợ chồng anh Hoàng Văn B, chị T ở Hà Giang là người biết rõ nhất.

Ông Đặng Văn L trình bày: Ông có mối quan hệ là anh vợ của ông Thiệu Đức V. Năm 2018 ông Thiệu Đức V có nhờ ông làm quản gia tại khu vườn cam thuộc địa phận thôn 4 xã T- huyện L, đến năm 2022 thì ông không làm ở đó nữa. Khi ông làm quản gia có vợ chồng anh Kiều người ở huyện Bắc Mê- tỉnh Hà Giang làm thuê cho ông Vương tại vườn cam này. Ông Vương mua vườn cam của vợ chồng anh Bốn, chị T ở Hà Giang vào khoảng tháng 5 năm 2018, khi đó cam mới trồng được khoảng 1 năm tuổi. Thời gian đầu ông không thấy có ông Thiệu Minh H tham gia làm cùng, khoảng 2 năm sau mới thấy ông Hải cùng làm cam tại đó. Quá trình làm cam cùng thỉnh thoảng ông Hải có đưa tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu cho ông Vương lần thì 5 triệu, lần thì 7 triệu. Sau 1 thời gian làm cùng do ông Hải nợ tiền ông Vương nên dẫn đến mâu thuẫn, từ đó ông Vương và ông Hải kéo dây phân chia vườn cam mỗi người làm một nửa. Sau đó do ông Hải không trả tiền nên ông Vương không cho ông Hải làm nữa. Thời gian làm quản gia tại đây ông có được chứng kiến việc ông Vương đòi tiền ông Hải, ông Vương có nói với ông Hải là nếu không trả tiền thì sẽ không cho làm nữa. Toàn bộ việc giao dịch mua bán chuyển nhượng vườn cam giữa ông Thiệu Đức V và vợ chồng anh Bốn, chị T như thế nào ông không biết. Việc Ông Thiệu Đức V và Ông Thiệu Minh H làm chung nhau vườn cam hay ông Vương cho ông Hải thuê vườn cam ông cũng không biết.

Ông Hoàng Nhật V trình bày: Vườn cam tại thôn 4 xã T mà ông Thiệu Minh H và ông Thiệu Đức V đang có tranh chấp trước đây là của ông Triệu Xuân Đoàn, sau đó ông Đoàn chuyển nhượng cho vợ chồng anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T ở Hà Giang. Năm 2018 được biết vợ chồng anh Bốn, chị T chuyển nhượng lại lúc đầu là ông Thiệu Đức V sau đó cùng ông Thiệu Minh H. Việc giao dịch mua bán, chuyển nhượng giữa các bên trước đó như thế nào, ông Vương và ông Hải mua chung hay mua riêng thì ông không biết. Lúc đầu ông cũng được mời lên chứng kiến việc giao vườn cam giữa vợ chồng anh Bốn, chị T và ông Thiệu Đức V. Có thời gian ông Hải là người trực tiếp làm, ông Vương thỉnh thoảng mới đến. Đến năm 2021 sau khi thu hoạch vụ cam xong thì xảy ra tranh chấp, chỉ đến khi xảy ra tranh chấp giữa ông Hải và ông Vương thì ông mới biết rõ sự việc. Việc tranh chấp đã được hoà giải tại UBND

xã T. Từ năm 2022 thì ông Hải không còn làm ở đó nữa. Hiện tại vườn cam trên do anh Mai Hồng D người ở Hà Nội đang quản lý, sử dụng.

Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, trên cơ sở các đương sự xác định ranh giới, thể hiện:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1/ Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ các điều 207, 208, 209, 217, 218, 219, 357 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia giá trị tài sản chung, cụ thể như sau: Ông Thiệu Minh H và vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B mỗi bên được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất với số tiền là 851.167.500 đồng.

Ông Thiệu Đức V và bà Đặng Thị B có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Thiệu Minh H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền là **851.167.500đ** (*Tám trăm năm mươi một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về yêu cầu phản tố:

2.1. Căn cứ các điều 472, 481, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 4 điều 91; các điều 200, 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B về việc buộc ông Thiệu Minh H, bà Nguyễn Thị L phải trả tiền thuê đất vườn cam và thuê cây cam là 415.000.000đ (*Bốn trăm mười lăm triệu đồng*);

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B về việc buộc ông Thiệu Minh H, bà Nguyễn Thị L phải bồi thường những thiệt hại trong quá trình giải quyết vụ án đối với số tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 4.900.000đ (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) và tiền chi phí ba lần đi lại của Luật sư là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

2.2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B về việc buộc ông Thiệu Minh H, bà Nguyễn Thị L phải bồi thường thiệt hại số tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố đã nộp là 10.300.000đ (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*) và số tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 6 năm 2024, bị đơn là ông Thiều Đức V và bà Đặng Thị Bảy kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thiều Minh H; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Thiều Đức V và bà Đặng Thị Bảy.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không ai có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, huỷ bản án sơ thẩm giải quyết lại từ giai đoạn sơ thẩm.

Người làm chứng Hoàng Văn B thay đổi lời khai, cho rằng chỉ nghe nói việc hai bên mua bán với nhau, còn các vấn đề khác không nhớ.

Người kháng cáo là ông Thiều Đức V và bà Đặng Thị Bảy giữ nguyên nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn, ông Thiều Minh H có ý kiến: Không nhất trí với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và hợp lệ. Về nội dung vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ Viện kiểm sát nhận thấy: Nội dung kháng cáo của bị đơn ông Thiều Đức V và bà Đặng Thị Bảy về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS: Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 148 Bộ luật TTDS năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thiều Đức V, bà Đặng Thị B.
2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.
3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày, tranh luận của các đương sự. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp; đúng, đủ người và tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của các Điều 26; 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu độc lập và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo của bị đơn. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời khai của những người làm chứng, đều thể hiện ông Thiệu Minh H và vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B có thỏa thuận cùng nhau góp tiền mua thửa đất rừng thuộc quyền sử dụng của anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T thửa đất số 115, tờ bản đồ số F48-66-C-B2 tại thôn 4 xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; có diện tích 47.200 m² để cùng nhau trồng cam. Giá trị chuyển nhượng là 500.000.000 đ gồm cả đất và tài sản trên đất. Ông Hải và vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B mỗi bên góp 250.000.000 đồng, số tiền này ông Hải đưa cho vợ chồng ông Vương, bà Bẩy hai lần. Lần thứ nhất: Ngày 10-5-2018 tại nhà ông Thiệu Đức V, ông Hải đưa cho vợ chồng ông Vương, bà Bẩy số tiền 100.000.000 đ. Lần thứ hai: Khoảng một tháng sau ông Hải trực tiếp đưa 150.000.000 đồng cho vợ chồng ông Vương, bà Bẩy tại nhà ông Vương; các lần đưa tiền này đều có mặt ông Nguyễn Đức T, vợ chồng anh Bốn, chị T, vợ chồng ông Vương, bà Bẩy và ông Thiệu Minh H. Những người làm chứng khác là anh Đỗ Chí T trình bày: Năm 2018 ông Thiệu Đức V và ông Thiệu Minh H là khách mua hàng thường xuyên của gia đình, anh cũng là người trực tiếp lắp đặt hệ thống đường ống tưới nước, phun thuốc tại vườn cam của ông Hải và ông Vương chung nhau ở thôn 4 xã T- huyện L; anh cũng chính là người tiêu thụ cam cho ông Vương và ông Hải tại vườn cam này. Anh là người trực tiếp chở phân bón đến vườn cam cho ông Vương và ông Hải. Khi mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lắp đặt hệ thống tưới nước, phun thuốc cho vườn cam thì cả ông Vương và ông Hải cùng trả

tiền chung, nợ cũng ký nhận nợ chung.

Như vậy, lời khai của những người làm chứng này phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của nguyên đơn là ông Thiệu Minh H. Kết luận: việc ông Hải và vợ chồng ông Vương bà Bảy chung nhau mua thửa đất rừng thuộc quyền sử dụng của anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T thửa đất số 115, tờ bản đồ số F48-66-C-B2 tại thôn 4 xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Tại phiên toà phúc thẩm anh Hoàng Văn B thay đổi lời khai, anh cho rằng chỉ “nghe thấy” việc ông Hải và ông Vương chung nhau mua thửa đất vườn của anh, lời khai này không thống nhất với các lời khai đã được thu thập đúng trình tự tố tụng đã có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, do đó không đảm bảo chính xác, khách quan nên không sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2.3] Bị đơn, ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B cho rằng vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh Hoàng Văn B, chị Bùi Thị T một thửa đất vườn đồi tại thôn 4 xã T- huyện L có diện tích 47.200 m², trị giá thửa đất là 500.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng có làm giấy tờ, có ông Thiệu Minh H là người làm chứng. Khoảng 1 đến 2 tháng sau khi anh Bốn, chị T làm xong giấy tờ ông trả nốt 100.000.000 đồng. Việc trả tiền có ai làm chứng hay không thì ông không nhớ. Khoảng 2 tháng sau khi nhận chuyển nhượng ông có cho ông Thiệu Minh H người ở huyện V thuê ½ thửa đất và khoảng 800 cây cam trên đất cùng nhà và công trình phụ trên thửa đất. Việc cho ông Hải thuê tài sản trên chỉ nói bằng miệng, không có văn bản giấy tờ, không có ai làm chứng. Cụ thể ông cho ông Thiệu Minh H thuê diện tích đất và tài sản trên đất với giá 5.000.000 đồng/1 tháng (60.000.000 đồng/1 năm); thời hạn thuê đến khi hai bên không có nhu cầu thuê nữa. Sau khi cho ông Hải thuê, ông tiếp tục chăm sóc số cam trên ½ diện tích đất còn lại và trồng thêm cây. Khoảng năm 2020 hoặc năm 2021 (Thời điểm cụ thể ông không nhớ) ông tiếp tục cho ông Thiệu Minh H thuê ½ phần đất ông đang sử dụng, trên phần đất này có khoảng 350 cây cam khoảng 3 đến 4 năm tuổi với giá cho thuê là 500.000 đồng/1 cây; thời hạn thuê đến khi hai bên không có nhu cầu thuê nữa thì thôi. Việc cho ông Hải thuê tài sản lần hai này cũng chỉ nói bằng miệng, không có văn bản giấy tờ, không có ai làm chứng.

Như vậy, việc ông Vương thoả thuận cho ông Hải thuê đất hai lần đều không được lập thành văn bản, không có người làm chứng và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác thể hiện có việc thuê đất; cũng không có căn cứ nào chứng minh việc cho thuê đất giữa ông Vương và ông Hải. Vì vậy, việc ông Vương bà Bảy nhận chuyển nhượng và cho ông Hải thuê lại không có căn cứ, không được chấp nhận.

[2.4] Sau khi thửa đất được vợ chồng ông Thiệu Đức V chuyển nhượng cho anh Hoàng Đình D, chị Nguyễn Thị Thu H (tháng 3 năm 2022) và sau đó chuyển nhượng tiếp cho anh Mai Hồng D (tháng 5 năm 2023) đến nay, hiện trạng thửa đất và tài sản

trên đất đã có nhiều thay đổi, thể hiện tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24-01-2024. So với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23-7-2022, có những tài sản bị mất đi nhưng cũng có những tài sản tăng thêm... Đặc biệt sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng anh Duyên, chị Hiền và sau đó là anh Mai Hồng D đã tiếp tục đầu tư trồng mới, chăm sóc... nên giá trị tài sản trên đất (cây cối) đã tăng nhiều so với thời điểm chưa chuyển nhượng. Vì vậy việc xác định tài sản và giá trị tài sản trên đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/01/2024 để làm căn cứ chia tài sản chung là không phù hợp. Nên thống nhất lấy kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 23-7-2022 làm căn cứ. Ngoài các tài sản được xác định theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23-7-2022, còn một đoạn đường bê tông dài 44m, rộng 3m, dày 0,2m, tại phiên toà sơ thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định đoạn đường này do hai người làm chung nhưng chưa được xem xét khi thẩm định tại chỗ; Theo kết quả định giá ngày 24-01-2024 thì đoạn đường bê tông có giá trị là 26.400.000 đồng.

Từ phân tích trên, khối tài sản chung và giá trị các tài sản chung của ông Thiệu Minh H và vợ chồng ông Thiệu Đức V được xác định như sau:

- Thửa đất số 115, tờ bản đồ số F48-66-C-B2, diện tích 47.200 m² trị giá 708.000.000 đồng;

- 01 nhà xây cấp 4 trị giá 40.000.000 đồng;
- 01 bếp, nhà vệ sinh trị giá 8.000.000 đồng;
- 01 téc nước trị giá 1.500.000 đồng;
- 01 chuồng chăn nuôi trị giá 500.000 đồng;
- 01 nhà khung tre trị giá 300.000 đồng;
- 01 nhà kho trị giá 3.600.000 đồng;
- 01 bể nước trị giá 1.085.000 đồng;
- 01 cổng kim loại 4 cánh trị giá 2.200.000 đồng;
- 01 đường bê tông dài 44m trị giá 26.400.000 đồng;
- 1.600 cây cam trồng năm 2017 trị giá 856.000.000 đồng;
- 1.500 cây cam trồng năm 2020 trị giá 30.000.000 đồng;
- 1.600 cây xoan trồng năm 2021 trị giá 24.000.000 đồng;
- 25 cây mít trồng năm 2019 trị giá 750.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản chung là **1.702.335.000đ** (*Một tỷ bảy trăm linh hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Xác định công sức đóng góp của hai bên là như nhau nên tổng giá trị tài sản chung được chia đôi, vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B và ông Thiệu Minh H mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ tổng giá trị khối tài sản chung là **1.702.335.000 đồng : 2 = 851.167.500 đồng**. Toàn bộ tài sản trên hiện đã được chuyển nhượng cho người khác,

nên không thể chia bằng hiện vật chỉ có thể phân chia bằng giá trị. Ông Vương và bà Bảy có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần tài sản được chia cho ông Thiệu Minh H.

[3.] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho các nội dung kháng cáo là có cơ sở. Nên không có căn cứ làm thay đổi nội dung Bản án sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Do đó kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa Bản án sơ thẩm và yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại từ giai đoạn sơ thẩm không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn, ông Vương bà Bảy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Điều 148; Điều 293; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng
án phí và lệ phí Tòa án.*

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thiệu Đức V và bà Đặng Thị B; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái, như sau:

1.1 Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ các điều 207, 208, 209, 217, 218, 219, 357 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia giá trị tài sản chung, cụ thể như sau: Ông Thiệu Minh H và vợ chồng ông Thiệu Đức V, bà Đặng Thị B mỗi bên được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất với số tiền là 851.167.500 đồng.

Ông Thiệu Đức V và bà Đặng Thị B có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Thiệu Minh H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền là **851.167.500đ** (*Tám trăm năm mươi một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2 Về yêu cầu phân tố:

- Căn cứ các điều 472, 481, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 4 điều 91; các điều 200, 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Thiều Đức V, bà Đặng Thị B về việc buộc ông Thiều Minh H, bà Nguyễn Thị L phải trả tiền thuê đất vườn cam và thuê cây cam là 415.000.000đ (*Bốn trăm mười lăm triệu đồng*);

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Thiều Đức V, bà Đặng Thị B về việc buộc ông Thiều Minh H, bà Nguyễn Thị L phải bồi thường những thiệt hại trong quá trình giải quyết vụ án đối với số tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 4.900.000đ (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) và tiền chi phí ba lần đi lại của Luật sư là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Thiều Đức V, bà Đặng Thị B về việc buộc ông Thiều Minh H, bà Nguyễn Thị L phải bồi thường thiệt hại số tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố đã nộp là 10.300.000đ (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*) và số tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*).

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Thiều Minh H phải chịu 37.535.025 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được hưởng. Xác nhận ông Thiều Minh H đã nộp 19.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2022/0001106 ngày 13-10-2022; ông Hải còn phải nộp tiếp là 18.035.025đ (*Mười tám triệu không trăm ba mươi lăm nghìn không trăm hai mươi lăm đồng*).

- Ông Thiều Đức V và bà Đặng Thị B phải chịu:

- + 37.535.025 đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được hưởng;
- + 20.600.000 đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận về yêu cầu trả số tiền cho thuê đất vườn cam và thuê cây cam;
- + 4.745.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận về số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại trong quá trình giải quyết vụ án.

Tổng số tiền án phí là 62.880.025 đồng. Xác nhận ông Thiều Đức V đã nộp 12.982.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2023/0001557 ngày 07-11-2023 và biên lai số AA/2023/ 0001682 ngày 27-3-2024. Số tiền ông Vương, bà Bảy còn phải nộp tiếp là **49.897.525đ** (*Bốn mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng*).

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Thiều Đức V, bà Đặng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2023/0001892 ngày 28/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận ông Vương bà Bảy đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện L.
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện L;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng